TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 134/2026/HS-ST Ngày 29-7-2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 137/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 027090000119; nơi thường trú: Tổ dân phố Nghĩa Phương, phường Nam Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: NXH3-419 Hoàng Huy New City, tổ dân phố Tân Dương 6, (nay là Tổ dân phố Tân Dương 4), phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần xây lắp và Vật liệu xây dựng Thuỷ Nguyên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Tĩnh và bà Bùi Thị Quyên; có vợ là Bùi Thị Thu Cúc và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2026. Có mặt.

2. Trương Thị Tr, sinh năm 1994; căn cước công dân số: 031194030561; nơi cư trú: Thôn Lại Xuân 4, (nay là thôn Pháp Cổ 1), xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Công ty Cổ phần xây lắp và Vật liệu xây dựng Thuỷ Nguyên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đẩy và bà Nguyễn Thị

Nụ; có chồng là Mạc Trung Cường và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2026. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2024, Công an huyện Thuỷ Nguyên (nay là Công an thành phố Hải Phòng) nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Hương Trà M, sinh năm 1990, nơi cư trú: xã Thiên Hương, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Thiên Hương), thành phố Hải Phòng về việc Công ty C có nhà xưởng đặt ở tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Bạch Đằng), thành phố Hải Phòng, Giám đốc công ty là Bùi Văn T và Kế toán trưởng là Trương Thị Tr, bán hàng nhưng không xuất hoá đơn cho khách hàng, không báo cáo thuế.

Quá trình điều tra xác định: Công ty C được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0202063443, đăng ký lần đầu vào ngày 11/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/09/2023, địa chỉ trụ sở đặt tại số 47/85 đường vòng Cầu Niệm, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân (nay là phường An Biên), thành phố Hải Phòng, vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bê tông tươi thành phẩm do Bùi Văn T làm Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty, Trương Thị Tr làm Kế toán trưởng. Hình thức hạch toán kế toán: hạch toán độc lập, chế độ kế toán thực hiện theo Thông tư số 133/2016/TT-BCT ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, hình thức kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, năm tài chính tính từ 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch, số tài khoản Ngân hàng đã đăng ký với Cơ quan thuế gồm: tài khoản số 0961166666789 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBBank) và tài khoản số 110600159559 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank). Công ty thực hiện việc kê khai, nộp thuế tại Cục thuế thành phố Hải Phòng (nay là Thuế thành phố Hải Phòng). Cổ đông sáng lập công ty từ đầu năm 2023 đến hiện tại gồm: Bùi Văn T, Mạc Trung C, sinh năm 1988, trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; Phạm Văn B, sinh năm 1982, trú tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng. Trong đó, Bùi Văn T là người trực tiếp điều hành, chỉ đạo công việc của công ty từ khi thành lập, C và B chỉ góp vốn và không tham gia điều hành, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đến ngày 16/01/2026, Mạc Trung C làm Giám đốc - là người đại diện theo pháp luật thay cho T. Bộ phận kế toán gồm: Trương Thị Tr - kế toán trưởng, phụ trách quỹ, tổng hợp, thu công nợ; Đỗ Thị Hải Q, sinh năm 1988, trú tại phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng - phụ trách làm hồ sơ dự thầu, hợp đồng kinh tế, biểu mẫu kinh doanh; Lê Thị H, sinh năm 1992, trú tại phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng - phụ trách in phiếu cân xe,

các biểu mẫu kinh doanh; Trần Thị Lan H, sinh năm 1986, trú tại phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng - phụ trách công nợ và Bùi Thị M, sinh năm 1987, trú tại xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng - phụ trách xuất hóa đơn, kê khai báo cáo thuế của Công ty. Bộ phận kinh doanh, khảo sát thị trường gồm: Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng - Phó giám đốc kinh doanh; Bùi Hồng Q, sinh năm 1992, trú tại xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh; Đỗ Trí T, sinh năm 1995, trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng.

Từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024, có một số khách mua hàng (33 khách hàng) mua bê tông tươi với số lượng ít không có nhu cầu lấy hoá đơn giá trị gia tăng, T nhận thông tin từ nhân viên kinh doanh sau đó ghi chép vào 01 quyển sổ riêng và chuyển thông tin khách hàng lại cho bộ phận vận hành, sản xuất của công ty để triển khai bán hàng. Đối với số hàng hoá đã bán không có hoá đơn giá trị gia tăng khi hoàn thành giao dịch thì T chỉ đạo Tr quán triệt tới các nhân viên kinh doanh thu tiền mặt trực tiếp rồi chuyển tiền mặt về để Tr tập hợp quản lý, không thông qua tài khoản hoạt động của Công ty để tránh phát hiện từ Cơ quan quản lý thuế vì công ty xác định số lượng hàng hoá đã bán không xuất hoá đơn giá trị gia tăng sẽ không thực hiện kê khai báo cáo thuế, không thực hiện nộp thuế theo quy định. Quá trình Công ty bán hàng không xuất hoá đơn cho khách hàng, Tr phụ giúp T đôn đốc thu tiền bán hàng. Ngoài ra, không có ai biết và tham gia cùng. Từ tháng 5/2023 đến hết tháng 12/2024, Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Thủy Nguyên đã bán bê tông tươi thành phẩm cho 33 khách hàng không xuất hoá đơn, không thực hiện kê khai báo cáo thuế, không thực hiện nộp thuế theo quy định với tổng số tiền hàng là 2.945.035.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp văn phòng giao dịch, nhà xưởng của Công ty C tại tổ dân phố Quyết Hùng, thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Bạch Đằng), thành phố Hải Phòng thu giữ:

- Tại văn phòng kế toán: Tài liệu liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty C được đựng trong 11 thùng giấy các tông được đánh số từ A1 đến A11; 01 CPU nhãn hiệu ACER Business kèm 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung; 01 CPU nhãn hiệu Kenoo kèm 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung; 02 CPU nhãn hiệu XIGMATEK Business kèm 02 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung;

- Thu giữ tại văn phòng giám đốc của Công ty: Tài liệu liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty C được đựng trong 03 thùng giấy các tông được đánh số từ B1 đến B3. Trong đó có 02 quyển sổ tại phòng làm việc của Bùi Văn T và Trương Thị Tr có nội dung ghi chép cụ thể thông tin 33 khách hàng mua bê tông, số tiền thu của khách nhưng không xuất hóa đơn với tổng số tiền là 2.945.035.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định của Chi cục thuế khu vực III kết luận:

"Xác định số thuế GTGT mà Công ty C nộp thiếu vào ngân sách nhà nước đến thời điểm kì kê khai quý 4/2024 là 0 đồng do đơn vị vẫn trong giai đoạn còn được khấu trừ thuế, chưa phát sinh thuế GTGT phải nộp (Trong đó: số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách nhà nước tăng thêm 0 đồng, số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kì sau giảm: 220.832.559 đồng). Đối với Thuế thu nhập doanh nghiệp, Giám định viên chưa đủ căn cứ để xác định số tiền trốn thuế Thu nhập doanh nghiệp mà Công ty C đã bán bê tông thành phẩm cho 33 (ba mươi ba) khách hàng không xuất hoá đơn giá trị gia tăng, với tổng tiền thu được từ khách hàng là 2.945.035.000 đồng trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 tại Quyết định trưng cầu giám định 346/QĐ-TCGĐ(KTMT) ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Thủy Nguyên (nếu có) là bao nhiêu".

Tại bản Kết luận giám định bổ sung của Thuế thành phố Hải Phòng kết luận: "Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty C đã trốn do hành vi bán bê tông thành phẩm cho 33 khách hàng không xuất hoá đơn giá trị gia tăng, không khai thuế với tổng tiền thu được từ khách hàng là 2.945.035.000 đồng trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2024 là 544.840.488 đồng".

Trong các ngày 15/01/2026 và ngày 07/4/2026, Bùi Văn T và Trương Thị Tr đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế thu nhập doanh nghiệp là 544.840.488 đồng.

Đỗ Thị Hải Quý, Lê Thị Huân, Trần Thị Lan Hương là các nhân viên bộ phận kế toán của Công ty trình bày: Bản thân chỉ thực hiện công việc, nhiệm vụ chuyên môn kế toán của Công ty, không biết, không tham gia vào việc Công ty bán hàng cho khách hàng nhưng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không khai báo thuế. Đối với Bùi Thị Mai là kế toán thời vụ được T thuê để khai báo thuế và xuất hóa đơn, tuy nhiên Mai chỉ căn cứ vào hóa đơn điện tử mua vào bán ra trên phần mềm hóa đơn điện tử của Công ty để làm tờ khai báo cáo thuế, Mai không biết, không tham gia và cũng không nhận sự chỉ đạo, trao đổi thông tin đối với việc Công ty bán hàng cho 33 khách hàng nhưng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Lời khai của Bùi Văn T và Trương Thị Tr phù hợp với nội dung trên, phù hợp với lời khai của Đỗ Thị Hải Q, Lê Thị H, Trần Thị Lan H, Bùi Thị M (các nhân viên bộ phận kế toán), phù hợp với lời khai của các nhân viên bộ phận kinh doanh của Công ty C là Nguyễn Văn L, Đỗ Trí T, Nguyễn Văn T, Bùi Hồng Q. Nguyễn Văn L làm việc tại Công ty từ khoảng năm 2022 đến cuối năm 2023 thì nghỉ, L làm việc tại trụ sở của Công ty, được T giao tìm khách mua bê tông để giới thiệu cho Công ty, khách hàng L giới thiệu chủ yếu là các đơn vị thi công công trình nhà nước, L không biết và không tham gia vào việc bán hàng không xuất hóa đơn. Việc bán hàng và thu tiền mặt được thực hiện theo chỉ đạo, quán triệt của T và Tr, bản thân T, T và Q không hiểu rõ về nghiệp vụ kế toán, sau khi đã bán hàng và thu tiền mặt của khách thì chuyển toàn bộ tiền đã thu cho Tr.

Tại Cơ quan điều tra, 33 khách hàng mua bê tông tươi thành phẩm của Công ty C trình bày phù hợp với nội dung mua hàng không có hóa đơn GTGT, thời gian mua hàng, nhân viên bán hàng và tổng tiền thanh toán (tiền mặt) cho Công ty C.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: đối với 04 CPU máy tính kèm màn hình và các thùng tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện Công ty. Đối với 02 quyển sổ thu tại phòng làm việc của Bùi Văn T và Trương Thị Tr, chuyển cùng hồ sơ vụ án. Số tiền 544.840.488 đồng chuyển tài khoản của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng bảo quản trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Bản Cáo trạng số: 63/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Trương Thị Tr về tội "Trốn thuế" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 600.000.000 đồng đến 650.000.000 đồng; bị cáo Trương Thị Tr từ 500.000.000 đồng đến 550.000.000 đồng. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 544.840.488 đồng các bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo rất ân hận về hành vi bị cáo đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024, Bùi Văn T với vai trò là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty C đã điều hành, chỉ đạo Trương Thị Tr - Kế toán trưởng của Công ty quán triệt tới nhân viên bán hàng thu tiền mặt đối với 33 khách hàng mua bê tông tươi thành phẩm, không xuất hoá đơn nhằm mục đích không kê khai báo cáo thuế, Trương Thị Tr là Kế toán trưởng, có kiến thức nghiệp vụ về kế toán, biết việc bán hàng không xuất hoá đơn, không kê khai báo cáo thuế là vi phạm pháp luật nhưng vẫn giúp sức tích cực cho T trong việc bán bê tông thành phẩm cho khách hàng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không kê khai báo cáo thuế với tổng số tiền hàng là 2.945.035.000 đồng để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 544.840.488 đồng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn T, Trương Thị Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" với tình tiết định khung hình phạt "Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự như truy tố và đề nghị kết tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên cần phải được xử lý nghiêm theo quy định.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T có ông bà tham gia kháng chiến và được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; gia đình bị cáo Tr thờ cúng ông bác là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị

cáo Bùi Văn T, Trương Thị Tr không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, được gia đình và chính quyền địa phương bảo lĩnh, xác nhận là trong quá trình sinh sống tại địa phương, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo đã phạm tội trốn thuế, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo Bùi Văn T là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty C đã điều hành, chỉ đạo Trương Thị Tr, Kế toán trưởng của Công ty quán triệt tới nhân viên bán hàng thu tiền mặt đối với 33 khách hàng mua bê tông tươi thành phẩm, không xuất hoá đơn nhằm mục đích không kê khai báo cáo thuế nên bị cáo T có vai trò cao hơn so với bị cáo Tr nên bị cáo T phải chịu mức hình phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt và cao hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà. Bị cáo Trương Thị Tr là người giúp sức cho bị cáo T, có vai trò thấp hơn nên xử phạt bị cáo Trương Thị Tr mức hình phạt tiền với mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xác định:

[6.1] Đối với 02 quyển sổ thu tại phòng làm việc của Bùi Văn T và Trương Thị Tr là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

[6.2] Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc trốn thuế là 544.840.488 đồng các bị cáo đã nộp lại tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án này, đối với các nhân viên kinh doanh (Đỗ Trí T, Nguyễn Văn T, Bùi Hồng Q) trực tiếp bán hàng thu tiền mặt và giao lại cho Tr theo chỉ đạo của T và Tr đối với 33 khách hàng mà Công ty không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, do không am hiểu về nghiệp vụ kế toán, không biết việc Công ty không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không kê khai báo cáo thuế nhằm mục đích

trốn thuế. Đối với các nhân viên kế toán gồm Đỗ Thị Hải Q, Lê Thị H, Trần Thị Lan H không biết, không tham gia vào việc Công ty bán hàng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không khai báo thuế với mục đích trốn thuế nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với Bùi Thị M là nhân viên kế toán xuất hóa đơn và kê khai báo cáo thuế của Công ty nhưng M không biết, không được chỉ đạo và không tham gia vào việc Công ty bán hàng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Đối với Mạc Trung C và Phạm Văn B là cổ đông của Công ty, Nguyễn Văn L là Phó Giám đốc kinh doanh nhưng không biết, không tham gia vào việc Công ty bán hàng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Trương Thị Tr phạm tội "Trốn thuế"

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo **Trương Thị Tr** 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 544.840.488 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002647 ngày 23/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Văn T, Trương Thị Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng;
- THADS TP.Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà